ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3663 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-TTg ngày 19/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo các nhóm trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12/3/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 543/TTr-SVHTTDL ngày 12/10/2026 và Báo cáo thẩm định số 909/BC-SVHTTDL ngày 08/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Hướng dẫn áp dụng: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình truyền hình: Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của phương án đơn giá đã trình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và DVSN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Huyenhtm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng

PHỤ LỤC I:
HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3663 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2026

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Phạm vi

Giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước của Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên được xây dựng cho từng thể loại, thời lượng chương trình theo Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12/3/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

II. Đối tượng áp dụng

Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng ngân sách nhà nước sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. Nguyên tắc chung xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công (A): (A) = (A1)+(A2)+(B)+(C)+(D)+(E)

1.1. Đơn giá trực tiếp (A1) được xây dựng dựa trên định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12/3/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

Đơn giá trực tiếp theo định mức (A1) = (A1.1)+(A1.2)+(A1.3), cụ thể:

- *Chi phí vật tư, vật liệu (A1.1):* là giá trị bằng tiền của hao phí vật liệu cần thiết để hoàn thành 01 đơn vị khối lượng công việc hoặc 01 sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

- *Chi phí nhân công (A1.2):*

+ Là giá trị bằng tiền của hao phí nhân công tham gia để hoàn thành 01 đơn vị khối lượng công việc hoặc 01 sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Chi phí nhân công ban hành theo Quyết định này được tính dựa trên mức lương cơ sở: 2.530.000 đồng/tháng áp dụng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/05/2024 quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp mức lương cơ sở có sự điều chỉnh, chi phí nhân công sẽ được nhân với hệ số k = (Mức lương cơ sở mới)/2.530.000 đồng.

+ Chi phí ngày công được tính toán dựa trên mức lương cơ sở theo hệ số bậc lương tương ứng trong 22 ngày công làm việc trong tháng đối với mỗi chức danh nghề nghiệp của nhân công.

- *Chi phí máy, thiết bị sử dụng (A1.3)*: là giá trị bằng tiền của hao phí công cụ, dụng cụ, máy, thiết bị để hoàn thành 01 đơn vị khối lượng công việc hoặc 01 sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

1.2. Chi phí khác cho nhân công trực tiếp (A2)

Chi phí khác cho nhân công trực tiếp (A2) là các khoản chi bao gồm phụ cấp, độc hại, làm ngoài giờ... cho nhân công trực tiếp được tính theo chi phí lương và các khoản theo lương.

Chi phí khác cho nhân công gián tiếp (A2.2) là các khoản chi bao gồm phụ cấp, độc hại, làm ngoài giờ... cho nhân công gián tiếp được tính theo chi phí lương và các khoản theo lương.

2. Chi phí quản lý (B): (B) = (B1)+(B2)+(B3)

+ Chi phí quản lý (B1): là chi phí tiền lương (bao gồm lương và các khoản phải nộp theo lương phù hợp với quy định của pháp luật) cho nhân công quản lý thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Chi phí này được xác định bằng 15% chi phí nhân công trực tiếp theo định mức.

+ Chi phí quản lý bổ sung (B2): là chi phí quản lý bổ sung được xác định bằng tỷ lệ chi phí quản lý thực tế trừ tỷ lệ 15% quy định theo định mức.

+ Chi phí khác cho nhân công quản lý (B3): là các khoản chi bao gồm phụ cấp, độc hại, làm ngoài giờ... cho nhân công gián tiếp được tính theo chi phí lương và các khoản theo lương.

3. Chi phí chung (C)

Chi phí chung (C): là chi phí hoạt động chung của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (D): được xác định bằng tỷ lệ theo đơn giá nhân công trực tiếp (A1.2) quy định tại mục III.1.

5. Lợi nhuận 5%: (E) = 5% x (A)+(B)+(C)+(D)}

6. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình (F) = (A)+(B)+(C)+(D)+(E), cụ thể:

- Đơn giá trực tiếp theo định mức (A): thành phần của đơn giá trực tiếp theo định mức thể hiện tại mục 1.

- Chi phí quản lý (B): thành phần của chi phí quản lý thể hiện tại mục 2.

- Chi phí chung (C): thành phần của chi phí chung thể hiện tại mục 3.

- Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (D): thể hiện tại mục 4.

- Lợi nhuận (E): thể hiện tại mục 5.

7. Giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước là cơ sở để thực hiện đặt hàng, đấu thầu, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình phù hợp tình hình phát triển kinh tế, xã hội và nguồn ngân sách của tỉnh Thái Nguyên.

IV. Hướng dẫn áp dụng

1. Ngoài các thành phần chi phí quy định tại mục III, giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước chưa bao gồm các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí chuyên gia (nếu có);
- Đối với các chương trình phát thanh, truyền hình tọa đàm, giao lưu: chưa bao gồm chi phí chuyên gia, cố vấn, khách mời, chi phí thuê mướn khác (nếu có)...;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định như trụ sở làm việc, tài sản cố định dùng chung khác;
- Chi phí liên quan đến hoạt động nghệ thuật trong nội dung chương trình;
- Chi phí đặc thù khác (nếu có) để sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình;
- Chi phí biểu diễn nghệ thuật thể hiện trong chương trình phát thanh, truyền hình (nếu có);
- Chi phí phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình: Thuê đường truyền, thuê kênh truyền dẫn, các hạ tầng phát sóng…;
- Thuế và các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.
- Các chi phí có liên quan khác không được liệt kê trong thành phần chi phí tạo nên giá dịch vụ sự nghiệp công của Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên.

2. Đối với các chương trình phức hợp có sự kết hợp của nhiều thể loại, giá sản xuất được tính theo kết cấu thành phần của từng chương trình cụ thể.

3. Trường hợp phát sinh các chi phí nghiệp vụ chuyên môn đặc thù trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên thực hiện lập dự toán trình cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao đặt hàng phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Khi Nhà nước ban hành chế độ, chính sách có các yếu tố hình thành giá thay đổi, Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh giá đảm bảo quy định hiện hành.

- Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới hiện hành.

PHỤ LỤC II:

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3663 /QĐ-UBND ngày17 tháng 11 năm 2026

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. Giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư 01/2026/TT-BVHTTDL

Đơn vị tính: đồng/chương trình

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
PT.01.00.00	**Bản tin thời sự**	
PT.01.10.00	**Bản tin thời sự trực tiếp**	
PT.01.10.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**4.374.490**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**3.691.170**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**2.940.862**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**2.154.534**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**2.049.587**
PT.01.10.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**9.027.101**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**7.391.014**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**6.029.286**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.439.726**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.072.392**
PT.01.10.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**14.514.174**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**11.924.064**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**9.749.079**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**7.232.906**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**6.634.983**
PT.01.20.00	**Bản tin thời sự ghi âm phát sau**	
PT.01.20.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**4.126.647**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**3.360.040**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**2.739.443**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**2.006.804**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**1.871.537**
PT.01.20.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**8.549.352**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**6.969.651**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**5.644.557**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.113.100**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**3.736.722**
PT.01.20.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**12.891.567**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**10.508.657**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**8.497.451**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**6.176.591**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**5.580.736**
PT.02.00.00	**Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau**	
PT.02.00.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**4.478.963**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**3.652.766**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**2.957.352**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**2.148.397**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**1.979.280**
PT.02.00.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**9.514.277**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**7.733.433**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**6.238.116**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.519.953**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.064.507**
PT.02.00.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**14.583.135**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**11.854.395**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**9.525.075**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**6.877.740**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**5.987.873**
PT.03.00.00	**Bản tin tiếng dân tộc**	
PT.03.00.10	**Thời lượng 10 phút**	**1.874.030**
PT.03.00.20	**Thời lượng 15 phút**	**10.132.502**
	Thời lượng 20 phút	**13.510.002**
	Thời lượng 30 phút	**19.979.521**
PT.04.00.00	**Chương trình thời sự tổng hợp**	
PT.04.10.00	**Chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp**	
PT.04.10.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**22.616.865**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.524.452**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**15.067.936**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.098.757**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**9.960.926**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
PT.04.10.20	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**34.251.618**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**28.014.827**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**22.736.047**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**16.675.098**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.876.870**
PT.04.20.00	**Chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau**	
	Thời lượng 10 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**7.162.577**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**5.856.654**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**4.749.135**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**3.483.730**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**3.108.155**
	Thời lượng 15 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**10.743.865**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**8.784.980**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**7.123.703**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**5.225.596**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.662.234**
	Thời lượng 20 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**14.325.151**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**11.713.304**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**9.498.271**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**6.967.459**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai	**6.216.310**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	thác lại trên 70%	
PT.04.20.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**21.202.244**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**17.284.473**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**13.961.921**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**10.165.704**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**9.038.981**
	Thời lượng 45 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**31.375.138**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**25.498.484**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**20.514.656**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**14.820.332**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**13.130.247**
	Thời lượng 50 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**34.956.424**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**28.426.811**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**22.889.224**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**16.562.195**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.684.322**
	Thời lượng 60 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**41.548.033**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**33.712.495**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**27.067.389**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**19.474.957**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai	**17.221.510**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	thác lại trên 70%	
PT.05.00.00	**Chương trình tiếng nước ngoài**	
PT.05.10.00	**Bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp**	
PT.05.10.10	Thời lượng 5 phút	**2.392.080**
PT.05.10.20	Thời lượng 10 phút	**3.485.075**
PT.05.10.30	Thời lượng 15 phút	**5.264.345**
PT.05.20.00	**Bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau**	
PT.05.20.10	Thời lượng 5 phút	**2.159.310**
PT.05.20.20	Thời lượng 10 phút	**3.131.264**
PT.05.20.30	Thời lượng 15 phút	**4.375.123**
PT.05.30.00	**Bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài thời lượng 5 phút**	**2.408.456**
PT.05.40.00	**Chương trình thời sự tổng hợp tiếng nước ngoài ghi âm phát sau**	
PT.05.40.10	**Thời lượng 30 phút**	**7.652.405**
PT.06.00.00	**Bản tin thời tiết thời lượng 5 phút**	**675.101**
PT.07.00.00	**Chương trình tư vấn**	
PT.07.10.00	**Chương trình tư vấn trực tiếp**	
PT.07.10.10	**Thời lượng 30 phút**	**13.816.599**
PT.07.20.00	**Chương trình tư vấn phát sau**	
PT.07.20.10	**Thời lượng 15 phút**	**5.383.626**
PT.07.20.20	**Thời lượng 30 phút**	**14.509.886**
PT.08.00.00	**Chương trình toạ đàm**	
PT.08.10.00	**Chương trình toạ đàm trực tiếp**	
PT.08.10.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**20.389.652**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**14.326.911**
PT.08.10.20	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**22.475.096**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.061.353**
PT.08.10.30	**Thời lượng 60 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**24.489.327**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**17.736.175**
PT.08.20.00	**Chương trình toạ đàm ghi âm phát sau**	
PT.08.20.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**18.815.082**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai	**13.103.155**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	thác lại đến 30%	
PT.08.30.10	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**20.356.103**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**14.396.765**
PT.09.00.00	**Chương trình tạp chí**	
PT.09.00.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**9.506.390**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**8.977.292**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**8.477.846**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**7.964.696**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**7.291.493**
PT.09.00.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**14.573.009**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**13.528.213**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**12.515.658**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.498.247**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.192.572**
PT.09.00.30	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**16.828.475**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.020.191**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**14.887.954**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**13.751.114**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**12.329.777**
PT.09.00.40	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**20.501.442**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai	**16.230.647**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	thác lại đến 30%	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**13.631.168**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**10.584.002**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.360.497**
PT.10.00.00	**Chương trình điểm báo**	
PT.10.10.00	**Chương trình điểm báo trong nước trực tiếp**	
PT.10.10.10	Thời lượng 5 phút	**738.319**
PT.10.10.20	Thời lượng 10 phút	**1.280.855**
PT.10.20.00	**Chương trình điểm báo trong nước phát sau**	
PT.10.20.10	Thời lượng 5 phút	**754.537**
PT.10.20.10	Thời lượng 10 phút	**1.509.075**
PT.11.00.00	**Phóng sự**	
PT.11.10.00	**Phóng sự chính luận**	
PT.11.10.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**8.074.943**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**6.859.481**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**5.846.489**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.673.767**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.395.781**
PT.11.10.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**12.414.465**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**8.241.575**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**6.628.727**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.786.522**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.230.811**
PT.11.20.00	**Phóng sự chân dung**	
PT.11.20.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**4.237.397**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**3.457.053**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**2.832.885**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**2.084.788**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**2.084.021**
PT.11.20.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**7.238.209**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**5.923.869**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**4.872.609**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**3.612.810**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**3.611.554**
PT.11.30.00	**Phóng sự điều tra**	
PT.11.30.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**13.623.754**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**11.309.298**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**9.452.094**
PT.11.30.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**20.268.869**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.798.271**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**14.019.357**
PT.12.00.00	**Chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh**	
PT.12.00.10	**Thời lượng 90 phút**	**36.137.807**
PT.12.00.20	**Thời lượng 120 phút**	**38.912.883**
PT.12.00.30	**Thời lượng 180 phút**	**43.023.278**
Bổ sung	**Thời lượng 60 phút**	**22.854.773**
Bổ sung	**Thời lượng 75 phút**	**28.497.095**
PT.13.00.00	**Chương trình giao lưu**	
PT.13.10.00	**Chương trình giao lưu trực tiếp**	
PT.13.10.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**19.922.942**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**14.697.798**
PT.13.10.20	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**22.396.045**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.741.933**
PT.13.10.30	**Thời lượng 55 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**23.957.711**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.047.795**
PT.13.20.00	**Chương trình giao lưu ghi âm phát sau**	
PT.13.20.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**19.075.781**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**14.007.193**
PT.13.20.20	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**20.840.823**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**15.487.652**
PT.13.20.30	**Thời lượng 55 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**21.573.871**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.043.320**
PT.14.00.00	**Chương trình bình luận**	
PT.14.00.10	**Thời lượng 5 phút**	**2.566.208**
PT.14.00.20	**Thời lượng 10 phút**	**4.203.640**
PT.15.00.00	**Chương trình xã luận**	
PT.15.00.10	**Thời lượng 5 phút**	**8.043.231**
PT.15.00.20	**Thời lượng 10 phút**	**12.181.495**
PT.16.00.00	**Tiểu phẩm**	
PT.16.00.10	**Thời lượng 5 phút**	**6.344.108**
PT.16.00.20	**Thời lượng 10 phút**	**12.220.588**
PT.16.00.30	**Thời lượng 15 phút**	**12.622.280**
PT.17.00.00	**Game show**	
PT.17.10.00	**Gameshow phát trực tiếp**	
PT.17.10.10	**Thời lượng 55 phút**	**5.460.483**
PT.17.20.00	**Gameshow phát sau**	
PT.17.20.10	**Thời lượng 55 phút**	**7.701.998**
PT.18.00.00	**Biên tập kịch truyền thanh**	

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
PT.18.00.10	**Thời lượng 15 phút**	**21.116.334**
PT.18.00.20	**Thời lượng 30 phút**	**36.257.532**
PT.18.00.30	**Thời lượng 60 phút**	**65.820.996**
PT.18.00.40	**Thời lượng 90 phút**	**91.324.763**
PT.19.00.00	**Biên tập ca kịch**	
PT.19.00.10	**Thời lượng 90 phút**	**78.302.175**
PT.20.00.00	**Thu tác phẩm mới**	
PT.20.10.00	**Thu truyện**	
PT.20.10.10	**Thời lượng 10 phút**	**2.207.218**
PT.20.20.00	**Thu thơ, thu nhạc thời lượng 5 phút**	**1.719.422**
PT.21.00.00	**Đọc truyện**	
PT.21.00.10	**Thời lượng 15 phút**	**1.528.844**
PT.21.00.20	**Thời lượng 20 phút**	**2.017.840**
PT.21.00.30	**Thời lượng 30 phút**	**2.701.212**
PT.22.00.00	**Phát thanh văn học**	
PT.22.00.10	**Thời lượng 15 phút**	**5.972.571**
PT.22.00.20	**Thời lượng 30 phút**	**12.002.916**
PT.23.00.00	**Bình truyện**	
PT.23.00.10	**Thời lượng 30 phút**	**8.463.373**
PT.24.00.00	**Trả lời khán giả ghi âm phát sau**	
PT.24.10.00	**Trả lời thính giả dạng điều tra**	
PT.24.10.10	**Thời lượng 10 phút**	**20.017.746**
PT.24.10.20	**Thời lượng 15 phút**	**22.539.396**
PT.24.10.30	**Thời lượng 30 phút**	**29.765.716**
PT.24.20.00	**Trả lời thính giả dạng không điều tra**	
PT.24.20.10	**Thời lượng 10 phút**	**2.864.287**
PT.24.20.20	**Thời lượng 30 phút**	**6.433.525**
PT.25.00.00	**Chương trình phổ biến kiến thức**	
PT.25.10.10	**Chương trình dạy Tiếng Việt thời lượng 15 phút**	**2.297.180**
PT.25.20.10	**Chương trình dạy tiếng nước ngoài thời lượng 15 phút**	**3.069.280**
PT.25.30.00	**Chương trình dạy học hát**	
PT.25.30.10	**Thời lượng 15 phút**	**3.289.183**
PT.25.30.20	**Thời lượng 30 phút**	**5.675.352**
PT.25.40.00	**Chương trình dạy học chuyên ngành thời lượng 15 phút**	**2.606.892**
PT.26.00.00	**Biên tập bộ nhạc hiệu, nhạc cắt chương trình phát thanh**	**7.229.011**
PT.27.00.00	**Show phát thanh**	
PT.27.10.00	**Show phát thanh trực tiếp**	
PT.27.10.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**22.618.028**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai	**19.101.658**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	thác lại đến 30%	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**16.157.267**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.961.398**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**11.044.957**
PT.27.10.20	**Thời lượng 60 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**39.149.094**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**29.971.553**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**24.828.086**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**17.982.665**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**15.952.098**
PT.27.10.30	**Thời lượng 115 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**52.078.426**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**45.730.123**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**39.057.496**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**32.404.715**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**24.073.898**
PT.27.20.00	**Show phát thanh phát sau**	
PT.27.20.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**18.521.939**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.341.722**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**14.150.602**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.959.280**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**9.261.339**
	Thời lượng 45 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**27.354.680**

Mã hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**24.084.355**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**20.797.678**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**17.510.696**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**13.463.783**
	Thời lượng 60 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	**36.187.421**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**31.826.988**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**27.444.751**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**23.062.106**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**17.666.224**

PHỤ LỤC III:
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

B. Giá dịch vụ sự nghiệp công sản xuất chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước

Đơn vị tính: đồng/chương trình

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
TH.01.00.00	**Bản tin truyền hình**	
TH.01.10.00	**Bản tin truyền hình ngắn**	
TH.01.10.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**8.718.550**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**7.098.454**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**5.696.256**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.233.580**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.011.864**
TH.01.20.00	**Bản tin truyền hình trong nước**	
TH.01.21.00	**Bản tin truyền hình trong nước phát trực tiếp**	
TH.01.21.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**11.558.385**
TH.01.21.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**22.355.419**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.471.748**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**13.889.886**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**13.473.753**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**12.941.624**
TH.01.21.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**28.636.074**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**23.895.921**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại đến 30%	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**19.967.961**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**19.397.064**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**18.665.375**
TH.01.21.40	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**28.884.319**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**24.667.120**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**20.409.751**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**16.166.305**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.871.619**
TH.01.21.50	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**36.843.832**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**31.209.694**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**25.612.776**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**19.937.593**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**12.924.578**
TH.01.22.00	**Bản tin truyền hình trong nước ghi hình phát sau**	
TH.01.22.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**19.175.471**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**14.321.912**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**11.839.301**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.426.067**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.891.025**
TH.01.22.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư	**23.651.133**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	liệu khai thác lại	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**19.523.994**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**16.118.359**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**15.561.198**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.909.814**
TH.01.22.30	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**24.559.559**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**20.348.213**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**16.832.870**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**12.388.823**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**11.553.046**
TH.01.22.40	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**35.538.338**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**29.425.501**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**23.347.855**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**17.235.722**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**9.645.040**
TH.01.30.00	**Bản tin truyền hình tiếng dân tộc biên dịch**	
	Thời lượng 10 phút	
TH.01.30.10	**Thời lượng 15 phút**	**5.737.179**
	Thời lượng 20 phút	
TH.01.30.20	**Thời lượng 30 phút**	**8.472.571**
TH.01.40.00	**Bản tin truyền hình chuyên đề**	
TH.01.40.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**9.008.804**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**7.549.586**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**6.056.156**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**4.566.365**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**2.748.822**
TH.01.40.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**19.071.524**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**15.851.048**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**12.629.155**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**9.438.830**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**5.417.879**
	Bản tin truyền hình quốc tế biên dịch	
	Thời lượng 5 phút	**2.324.368**
TH.01.50.10	Thời lượng 10 phút	**4.648.734**
TH.01.50.20	Thời lượng 15 phút	**7.236.491**
TH.01.50.30	Thời lượng 20 phút	**9.578.842**
TH.01.60.00	**Bản tin truyền hình biên dịch sang tiếng nước ngoài**	
TH.01.60.10	Thời lượng 15 phút	**8.211.842**
TH.01.60.20	Thời lượng 30 phút	**14.299.779**
TH.01.70.00	**Bản tin truyền hình thời tiết**	
TH.01.70.10	Thời lượng 5 phút	**3.636.128**
TH.01.80.00	**Bản tin truyền hình chạy chữ**	**-**
TH.01.80.00	Thời lượng 15 phút	**2.745.933**
TH.02.00.00	**Chương trình thời sự tổng hợp**	
TH.02.10.00	**Chương trình thời sự tổng hợp phát trực tiếp**	
TH.02.10.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**18.933.347**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**16.131.827**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**13.328.796**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**10.373.193**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**6.852.487**
TH.02.10.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư	**26.272.483**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	liệu khai thác lại	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**22.265.749**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**18.136.435**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**13.904.294**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**9.414.658**
TH.02.10.30	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**32.395.766**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**27.549.702**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**22.634.000**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**17.790.896**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**11.688.293**
TH.02.10.40	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**43.873.237**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**39.267.106**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**30.155.091**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**23.231.099**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.651.347**
TH.02.10.50	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**46.703.482**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**39.682.895**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**32.676.447**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**25.718.084**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**16.970.379**
TH.02.20.00	**Chương trình thời sự tổng hợp ghi hình phát sau**	

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
TH.02.20.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**16.120.023**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**13.333.086**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**10.566.870**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**7.790.592**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.302.988**
TH.02.20.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**21.894.561**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.148.209**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**14.344.230**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**10.548.178**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**5.830.267**
TH.02.20.30	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**27.382.570**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**22.685.991**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**17.965.770**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**13.207.325**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**7.329.226**
TH.02.20.40	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**38.700.435**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**32.017.338**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**25.319.414**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**18.612.430**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.265.604**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Thời lượng 45 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**57.622.424**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**47.597.782**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**37.550.898**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**27.490.416**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.970.181**
	Thời lượng 50 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**64.120.075**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**52.981.586**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**41.818.380**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**30.640.069**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**16.728.696**
	Thời lượng 60 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**76.544.411**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**63.178.224**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**49.782.377**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**36.368.405**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**19.674.756**
TH.03.00.00	**Phóng sự**	
TH.03.10.00	**Phóng sự chính luận**	
TH.03.10.10	**Thời lượng dưới 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**12.065.454**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**10.860.063**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**9.681.354**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**8.489.305**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**6.982.351**
TH.03.10.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**13.374.339**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**12.035.015**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**10.725.341**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**9.400.838**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**7.726.444**
TH.03.10.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**20.807.963**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.585.565**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**16.375.723**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**14.153.326**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**11.393.389**
TH.03.10.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**25.154.968**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**22.050.610**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**18.975.897**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**15.884.099**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**12.033.301**
TH.03.10.40	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**32.669.806**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**28.650.561**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**24.631.317**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**20.612.070**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**15.580.766**
TH.03.20.00	**Phóng sự điều tra**	
TH.03.20.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**20.500.359**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.273.944**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30%	**16.066.125**
TH.03.20.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**27.995.066**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**25.280.787**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30%	**20.809.095**
TH.03.20.30	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**45.005.666**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**39.922.315**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30%	**34.837.843**
TH.03.30.00	**Phóng sự đồng hành**	
TH.03.30.10	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**20.492.502**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**17.556.822**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**14.621.147**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.685.468**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**8.007.589**
TH.03.30.20	**Thời lượng 25 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**48.843.237**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**40.877.864**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**32.933.078**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**23.958.971**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại trên 50% đến 70%	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**15.039.484**
TH.03.40.00	**Phóng sự chân dung**	
TH.03.40.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**8.728.034**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**7.719.418**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**6.710.802**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**5.702.177**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**4.438.837**
TH.03.40.20	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**18.156.485**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**15.821.670**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**13.459.483**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**11.124.677**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**8.189.877**
TH.03.40.30	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**25.004.338**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**21.839.165**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**18.673.992**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**15.508.820**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**11.534.963**
TH.03.50.00	**Phóng sự tài liệu**	
TH.03.50.10	**Thời lượng 5 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**22.575.060**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**19.707.032**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**16.868.649**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại trên 30% đến 50%	
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**14.000.621**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**10.427.777**
TH.03.50.20	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**45.844.422**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**39.190.529**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**32.550.327**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**25.896.432**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**17.583.323**
TH.04.00.00	**Ký sự**	
TH.04.00.10	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**54.144.612**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**47.361.996**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**40.620.140**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**33.837.526**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**25.401.165**
TH.04.00.20	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**62.146.200**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**54.331.392**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**46.547.596**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**38.732.784**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**28.982.672**
TH.04.00.30	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**88.743.617**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**79.246.623**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**68.613.801**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**57.965.914**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**48.367.380**
TH.05.00.00	**Phim tài liệu**	
TH.05.10.00	**Phim tài liệu - sản xuất**	
TH.05.10.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**55.339.724**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**48.498.741**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**41.686.280**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**34.845.297**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**26.312.657**
TH.05.10.20	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**95.870.733**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**86.720.216**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**72.150.268**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**51.850.796**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**48.864.356**
TH.05.10.30	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**145.950.496**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**128.388.375**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**110.826.256**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**93.248.180**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**71.293.928**
TH.05.10.40	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**210.387.564**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**177.084.035**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**149.508.848**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**107.352.201**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**101.516.997**
TH.05.20.00	**Phim tài liệu - biên dịch**	
TH.05.20.10	**Thời lượng 20 phút**	**11.968.298**
TH.05.20.20	**Thời lượng 60 phút**	**22.326.906**
TH.06.00.00	**Tạp chí**	
TH.06.00.10	**Thời lượng 10 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**24.301.565**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**21.715.723**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**19.128.880**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**16.536.415**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**13.346.498**
	Thời lượng 15 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**30.519.700**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**27.287.398**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**24.053.842**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**20.813.261**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**16.825.866**
TH.06.00.20	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**33.450.360**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**28.671.389**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**23.920.334**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**19.321.692**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**16.632.723**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại trên 70%	
TH.06.00.30	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**49.773.661**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**44.201.808**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 30% đến 50%	**38.600.305**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 50% đến 70%	**33.012.830**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**25.985.054**
TH.07.00.00	**Tọa đàm**	
TH.07.10.00	**Tọa đàm trường quay trực tiếp**	
TH.07.10.10	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**18.175.219**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**14.885.934**
TH.07.10.20	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**37.302.342**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**26.056.174**
TH.07.10.30	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**44.032.619**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại trên 70%	**30.957.150**
TH.07.20.00	**Tọa đàm trường quay ghi hình phát sau**	
TH.07.20.10	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**19.570.048**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**15.583.557**
TH.07.20.20	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**25.548.165**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**18.033.039**
TH.07.20.30	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**36.860.431**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**25.566.121**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại đến 30%	
TH.07.20.40	**Thời lượng 45 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**43.603.072**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**30.863.803**
TH.07.30.00	**Tọa đàm ngoại cảnh ghi hình phát sau**	
TH.07.30.10	**Thời lượng 15 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**25.277.469**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**21.612.669**
TH.07.30.20	**Thời lượng 20 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**36.267.711**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**29.067.603**
TH.07.30.30	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**47.813.470**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**37.017.723**
	Thời lượng 45 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**63.560.970**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**49.166.637**
TH.08.00.00	**Giao lưu**	
TH.08.10.00	**Giao lưu trường quay trực tiếp**	
TH.08.10.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**65.457.998**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**55.578.456**
TH.08.20.00	**Giao lưu trường quay ghi hình phát sau**	
TH.08.20.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**46.010.095**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**36.631.695**
	Thời lượng 45 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**68.586.918**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**54.519.315**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại đến 30%	
	Thời lượng 60 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**91.163.738**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**72.406.936**
	Thời lượng 90 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**136.031.895**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**107.896.689**
	Thời lượng 120 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**180.900.050**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**143.386.445**
TH.08.30.00	**Giao lưu ngoại cảnh trực tiếp**	
TH.08.30.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**52.869.622**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**43.404.335**
TH.08.40.00	**Giao lưu ngoại cảnh ghi hình phát sau**	
TH.08.40.10	**Thời lượng 30 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**44.494.049**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**38.501.543**
TH.08.50.00	**Giao lưu trường quay trực tiếp có chương trình biểu diễn nghệ thuật**	
	Thời lượng 75 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**93.801.497**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**86.068.391**
TH.08.50.10	**Thời lượng 90 phút**	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**112.105.021**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại đến 30%	**102.825.295**
	Thời lượng 120 phút	
	Sản xuất chương trình không có thời lượng tư liệu khai thác lại	**148.997.556**
	Sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu	**136.624.584**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	khai thác lại đến 30%	
TH.09.00.00	**Tư vấn qua truyền hình**	
TH.09.00.10	Thời lượng 30 phút	**37.496.348**
TH.10.00.00	**Tường thuật trực tiếp**	
TH.10.00.10	Thời lượng 45 phút	**75.963.293**
TH.10.00.20	Thời lượng 60 phút	**78.610.405**
TH.10.00.30	Thời lượng 90 phút	**84.349.246**
TH.10.00.40	Thời lượng 120 phút	**86.812.433**
TH.10.00.50	Thời lượng 150 phút	**88.989.154**
TH.10.00.60	Thời lượng 180 phút	**91.122.450**
TH.11.00.00	**Hình hiệu, trailer**	
TH.11.10.00	**Trailer cố động**	
TH.11.10.10	Thời lượng 01 phút	**4.318.538**
TH.11.10.20	Thời lượng 01 phút 30 giây	**5.590.474**
TH.11.10.30	Thời lượng 02 phút 20 giây	**7.379.858**
TH.11.20.00	**Trailer giới thiệu**	
	Thời lượng 45 giây	**1.481.031**
	Thời lượng 01 phút	**1.732.727**
	Thời lượng 01 phút 30 giây	**2.001.470**
TH.11.30.00	**Hình hiệu kênh**	**119.425.644**
TH.11.40.00	**Bộ hình hiệu chương trình**	**45.686.340**
TH.11.50.00	**Hình hiệu quảng cáo**	**39.631.577**
TH.12.00.00	**Đồ họa**	
TH.12.10.00	Đồ họa mô phỏng động	**8.888.465**
TH.12.20.00	Đồ họa mô phỏng tĩnh	**3.170.771**
TH.12.30.00	Đồ họa bản tin dạng mô phỏng động	**2.304.320**
TH.12.40.00	Đồ họa bản tin dạng mô phỏng tĩnh	**1.791.951**
TH.12.50.00	Đồ họa bản tin dạng mô phỏng động	**1.577.094**
TH.13.00.00	Trả lời khán giả	
TH.13.10.00	Trả lời khán giả trực tiếp	**37.505.837**
TH.13.20.00	Trả lời khán giả ghi hình phát sau	
TH.13.20.10	a) Dạng trả lời đơn thư thời lượng 15 phút	**32.869.565**
TH.13.20.20	b) Dạng trả lời câu hỏi thông thường của khán giả thời lượng 30 phút	**23.921.148**
TH.14.00.00	Chương trình biên tập - trong nước	
TH.14.10.00	Thời lượng 15 phút	**3.291.255**
TH.14.20.00	Thời lượng 30 phút	**6.542.537**
	BIÊN DỊCH VÀ PHỤ ĐỀ	
	Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	
	Biên dịch và phụ đề bản tin, chương trình thời sự, trả lời khán giả	
	Chương trình 05 phút	**948.782**
	Chương trình 10 phút	**1.719.014**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Chương trình 15 phút	**2.562.657**
	Chương trình 20 phút	**3.240.299**
	Chương trình 30 phút	**4.071.442**
	Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	
	Chương trình 05 phút	**1.232.365**
	Chương trình 10 phút	**2.435.477**
	Chương trình 15 phút	**3.686.352**
	Chương trình 20 phút	**4.898.963**
	Chương trình 25 phút	**6.127.397**
	Chương trình 30 phút	**7.044.228**
	Chương trình 50 phút	**11.279.605**
	Biên dịch và phụ đề tạp chí	
	Chương trình 15 phút	**3.522.166**
	Chương trình 20 phút	**4.767.644**
	Chương trình 30 phút	**6.751.346**
	Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình	
	Chương trình 15 phút	**3.259.762**
	Chương trình 20 phút	**4.422.750**
	Chương trình 30 phút	**6.327.423**
	Chương trình 40 phút	**7.212.251**
	Biên dịch và phụ đề từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	
	Biên dịch bản tin, chương trình thời sự và trả lời khán giả	
	Chương trình 05 phút	**712.196**
	Chương trình 10 phút	**1.335.886**
	Chương trình 15 phút	**1.963.104**
	Chương trình 20 phút	**2.516.121**
	Chương trình 30 phút	**3.168.546**
	Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	
	Chương trình 05 phút	**928.757**
	Chương trình 10 phút	**1.854.508**
	Chương trình 15 phút	**2.790.312**
	Chương trình 20 phút	**3.700.404**
	Chương trình 25 phút	**4.612.538**
	Chương trình 30 phút	**5.264.662**
	Chương trình 50 phút	**8.242.037**
	Biên dịch và phụ đề tạp chí	
	Chương trình 15 phút	**2.671.986**
	Chương trình 20 phút	**3.606.132**
	Chương trình 30 phút	**5.052.092**
	Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình	

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Chương trình 15 phút	**2.511.882**
	Chương trình 20 phút	**3.385.442**
	Chương trình 30 phút	**4.784.591**
	Chương trình 40 phút	**5.556.872**
	Biên dịch và phụ đề từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc	
	Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả	
	Chương trình 05 phút	**866.525**
	Chương trình 10 phút	**1.670.094**
	Chương trình 15 phút	**2.439.560**
	Chương trình 20 phút	**3.134.915**
	Chương trình 30 phút	**4.164.575**
	Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	
	Chương trình 05 phút	**944.998**
	Chương trình 10 phút	**1.885.265**
	Chương trình 15 phút	**2.783.697**
	Chương trình 20 phút	**3.676.374**
	Chương trình 25 phút	**4.484.924**
	Chương trình 30 phút	**5.224.580**
	Chương trình 50 phút	**7.817.033**
	Biên dịch và phụ đề tạp chí	
	Chương trình 15 phút	**2.625.311**
	Chương trình 20 phút	**3.491.540**
	Chương trình 30 phút	**4.888.343**
	Biên dịch tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình	
	Chương trình 15 phút	**2.482.358**
	Chương trình 20 phút	**3.351.046**
	Chương trình 30 phút	**4.714.157**
	Chương trình 40 phút	**5.751.630**
	Biên dịch và phụ đề từ tiếng dân tộc sang tiếng Việt	
	Biên dịch và phụ đề bản tin, trả lời khán giả	
	Chương trình 05 phút	**662.059**
	Chương trình 10 phút	**1.235.369**
	Chương trình 15 phút	**1.804.187**
	Chương trình 20 phút	**2.314.338**
	Chương trình 30 phút	**2.959.480**
	Biên dịch và phụ đề phóng sự, ký sự, phim tài liệu	
	Chương trình 05 phút	**751.358**
	Chương trình 10 phút	**1.487.628**
	Chương trình 15 phút	**2.202.714**
	Chương trình 20 phút	**2.894.308**
	Chương trình 25 phút	**3.515.913**

Mã Hiệu	Danh mục	Giá dịch vụ SNC (chưa bao gồm VAT)
	Chương trình 30 phút	**4.048.723**
	Chương trình 50 phút	**5.859.112**
	Biên dịch và phụ đề tạp chí	
	Chương trình 15 phút	**2.002.758**
	Chương trình 20 phút	**2.695.074**
	Chương trình 30 phút	**3.712.487**
	Biên dịch và phụ đề tọa đàm, giao lưu ghi hình phát sau, tư vấn qua truyền hình	
	Chương trình 15 phút	**1.919.587**
	Chương trình 20 phút	**2.578.866**
	Chương trình 30 phút	**3.574.729**
	Chương trình 40 phút	**4.241.369**